

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày 24-9-2020  
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Như.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn; ông Nguyễn Tất Bấy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị **Lăng Thị L**, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***- Bị đơn:*** Anh **Vi Văn T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2020 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lăng Thị L trình bày:*

Chị và anh Vi Văn T kết hôn với nhau vào năm 2013, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong chị về gia đình anh Tôn làm dâu ngay, vợ chồng sống tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xảy ra đánh, cãi nhau. Vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng đến năm 2016 thì không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vi Văn T.

- Về con chung: Chị và anh Vi Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Anh Tôn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Tôn không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh Tôn được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lăng Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Vi Văn T. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lăng Thị L, cho chị Lăng Thị L và anh Vi Văn T.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lăng Thị L, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

Chị Lăng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn với anh Vi Văn T, hiện nay anh Vi Văn T đang trú quán tại thôn Khuôn Tỏ, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn anh Vi Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác minh tại địa phương thì anh Vi Văn T vẫn có hộ khẩu tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay anh Vi Văn T vẫn có mặt tại địa phương, không đi làm ăn xa. Khi Tòa án đến gia đình anh Vi Văn T tại thôn K, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang để làm việc về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Lăng Thị L thì anh Tôn không làm việc và từ chối làm việc với cán bộ Tòa án, có sự chứng kiến của chính quyền thôn Khuôn Tỏ. Như vậy chứng tỏ anh Vi Văn T vẫn cư trú tại địa phương, bản thân anh Tôn có biết Tòa án đang thụ lý, giải quyết việc chị Lăng Thị L xin ly hôn với anh nhưng anh Tôn cố tình trốn tránh, gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án,

Tòa án đã tiến hành giao, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Vi Văn T đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh Vi Văn T.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lăng Thị L và anh Vi Văn T kết hôn với nhau vào ngày 29/01/2013. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Thời điểm chị Lăng Thị L và anh Vi Văn T xảy ra mâu thuẫn được xác định vào đầu năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xảy ra đánh, cãi nhau, mặc dù vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hoà giải nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nữa. Tại phiên toà chị Lăng Thị L vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Vi Văn T.

Từ những phân tích trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Lăng Thị L được ly hôn anh Vi Văn T là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị Lăng Thị L và anh Vi Văn T không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Lăng Thị L thuộc diện “Đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn” và chị L có đơn xin miễn án phí nên miễn cho chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lăng Thị L, cho chị Lăng Thị L được ly hôn với anh Vi Văn T.

**2.** Về án phí: Chị Lăng Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Lăng Thị L số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0001334 ngày 27/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

**3.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Đức Như**